

STANDARD COMMISSIONS AND CHARGES

BIỂU PHÍ TIÊU CHUẨN NGÂN HÀNG

Effective Date Ngày có hiệu lực: 01-February-2024 ngày 01 tháng 2 năm 2024.

1. DEPOSIT ACCOUNT			1. TÀI KHOẢN TIỀN GỬI		
Opening account	Free		Mở Tài Khoản	Miễn phí	
Account Management Fee* -Corporate-VND Account	VND 100,000 per month (If Minimum account balance** of all VND accounts are below the limit of VND 15,000,000)		Phí quản lý tài khoản* -Doanh nghiệp-Tài khoản VND	100.000 VNĐ mỗi tháng (Nếu Số dư tài khoản tối thiểu** của tất cả tài khoản VND dưới hạn mức 15.000.000 VNĐ)	
Account Management Fee* -Corporate-USD Account	USD 5 per month (If Minimum account balance** of all USD accounts are below the limit of USD 1,000)		Phí quản lý tài khoản* -Doanh nghiệp-Tài khoản USD	(Nếu Số dư tài khoản tối thiểu** của tất cả các tài khoản USD dưới hạn mức 1.000 USD)	
Account Management Fee*** -Individual	VND Account	VND 10,000 Per Month	Phí Duy Trì Tài Khoản***- Cá Nhân	TÀI KHOẢN-VND	VND 10.000 mỗi tháng
	USD Account	USD 0.5 Per Month		TÀI KHOẢN-USD	USD 0,5 mỗi tháng
Deposit in Cash (VND, USD)	Free		Tiền Gửi Bằng Tiền Mặt (VND, USD)	Miễn phí	
Withdrawal in Cash-VND	Free		Rút Tiền Mặt Bằng VND	Miễn phí	
Withdrawal in Cash-USD	0.2%		Rút Tiền Mặt Bằng USD	0,2% (tối thiểu 2 USD)	
2. DOMESTIC REMITTANCE			2. CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC		
Inward Remittance	Free		Tiền Về	Miễn phí	
Internal transfer within CUB	Free		Chuyển Nội Bộ	Miễn phí	
Outward Remittance (Plus cable charge – if any)			Chuyển Khoản (Cộng Thêm điện phí – Nếu Có)		
Beneficiary in IVB	VND	VND 100,000	Người Thụ Hưởng Tại IVB	VND	100.000 VNĐ
	USD	USD 10		USD	10 USD
Beneficiary in another bank	VND	0.03 % (Min VND 100,000 Max VND 1,000,000)	Người Thụ Hưởng tại ngân hàng khác	VND	0,03 % (tối thiểu 100.000 VNĐ, tối đa 1.000.000 VNĐ)
	USD	0.1 % (Min USD 15 Max USD 50)		USD	0,1 % (tối thiểu 15 USD, tối đa 50 USD)
3. OVERSEAS REMITTANCE			3. CHUYỂN TIỀN NƯỚC NGOÀI		
Inward Remittance	USD	0.05 % (Min USD 15 Max USD 100)	Tiền Về	0,05 % (tối thiểu 15 USD, tối đa 100 USD)	
Outward Remittance	USD	0.2 % (Min USD 15 Max USD 200) Plus Cable charge of USD 20	Chuyển Khoản	0,2 % (tối thiểu 15 USD, tối đa 200 USD) Thêm điện phí 20 USD	
Correspondent bank charge for USD payment which charge type is 'OUR'	USD	Cable charge of USD 20	Phí thanh toán cho ngân hàng đại lý khi thanh toán bằng USD và khách hàng chọn tự đóng phí	Điện phí USD 20	
4. IMPORT			4. NHẬP KHẨU		
A. Import L/C			A. Import L/C		
Issuing L/C	0.125% per month (Min USD 25) Plus cable charge of USD 40		Phát Hành Thư Tín Dụng	0,125% mỗi tháng (tối thiểu 25 USD) Thêm điện phí 40 USD	
Issuing amendment (Plus cable charges of USD 20)			Điều Chỉnh Thư Tín Dụng (Thêm Điện Phí 20 USD)		
Increase in amount	0.125% per month (Min USD 20)		Tăng Số Tiền	0,125% mỗi tháng (tối thiểu 20 USD)	
Extension	0.125% per month (Min USD 20)		Gia Hạn	0,125% mỗi tháng (tối thiểu 20 USD)	
Other	USD 20 (flat rate)		Khác	20 USD (số tiền)	
Cancelling L/C	USD 50 Plus cable charge of USD 10		Hủy Thư Tín Dụng	50 USD Thêm điện phí 10 USD	
Acceptance of usance bill	0.125% per month (Min USD 25.00) Plus cable charge of USD 20 per swift message		Chấp Nhận Hối phiếu Kỳ hạn	0,125% mỗi tháng (tối thiểu 25 USD) Thêm điện phí 20 USD/ 01 điện swift	
Payment commission	0.2% (Min USD 25) or 0.15% for amount over USD 500,000		Phí thanh toán thư tín dụng	0,2% mỗi tháng (tối thiểu 25 USD) hoặc 0,15% (số tiền trên 500.000 USD)	

	Plus Cable charge of USD 20 per swift message		Thêm điện phí 20 USD
Discrepancy	USD 60	Phí bất hợp lệ	60 USD
L/C Confirmation	Charged as per the quotation by Confirming Bank (or charged quarterly, 0.15% per quarter, Min USD 100)	Xác Nhận Thư Tín Dụng	Tính phí theo báo giá của Ngân hàng xác nhận (hoặc tính phí hàng quý, 0,15% mỗi quý, tối thiểu 100 USD)
B. Shipping Guarantee		B. Bảo Lãnh	
Shipping guarantee	USD 50	Bảo lãnh nhận hàng	50 USD
B/L Endorsement	USD 10/set	Ký Hậu Vận đơn	10 USD/bộ
C. Import Collection		C. Nhờ Thu Kèm Chứng Từ Nhập Khẩu	
D/P	0.15% (Min USD 15)	Nhờ Thu Trả Ngay	0,15 % (tối thiểu 15 USD)
D/A	0.2% (Min USD 15)	Nhờ Thu Trả Chậm	0,2 % (tối thiểu 15 USD)
Open Account Remittance	Charged as Outward Remittance -Cable Fee: USD 20 per cable -Document Return: Charged as postage for Export to return the presented documents by request	Thanh toán đối với phương thức ghi sổ	Áp dụng như biểu phí chuyển tiền -Điện phí: 20USD/ Điện. -Chứng từ trả về: áp dụng như điện phí xuất khẩu để trả chứng từ xuất trình theo yêu cầu.
5. Export		5. XUẤT KHẨU	
A. Export L/C		A. Tín Dụng Xuất Khẩu	
Advising L/C	USD 20	Thông Báo Thư Tín Dụng	20 USD
Increase in amount	USD 15	Tăng Số Tiền	15 USD
Loss of L/C	USD 100 (each)	Thất Lạc Thư Tín Dụng	100 USD (01 món)
Cable Fee	USD 20 each. For L/C Issuance and amendment, charged as Import L/C Issuance.	Điện Phí	20 USD (mỗi điện) Đối với Phát hành và sửa đổi L/C, tính phí như Phát hành L/C nhập khẩu.
Payment commission	0.20% (Min USD 20)	Phí thanh toán thư tín dụng	0,2 % (tối thiểu 15 USD)
Discount sight bill of exchange	Minimum time: 7 calendar days. Interest rate : as agreed case by case	Chiết Khấu Hối Phiếu Trả Ngay	Thời gian tối thiểu: 7 ngày dương lịch. Lãi suất: theo thỏa thuận tùy từng trường hợp
Discount usance or deferred payment bill	as agreed case by case	Chiết Khấu Hối phiếu có kỳ hạn hoặc hối phiếu trả chậm	theo thỏa thuận từng trường hợp
Reimbursement request	USD 20 per request cable	Yêu Cầu Hoàn Trả	20 USD mỗi điện
Collection under L/C		Nhờ Thu Chứng Từ Theo Thư Tín Dụng	
Negotiation	0.12% of bills amount; Min. USD 25	Đàm phán	0,12% /số tiền trên hối phiếu. (tối thiểu 25 USD)
Re-negotiation	0.08% of bills amount; Min USD 15	Trước đàm phán	0,08% / số tiền trên hối phiếu. (tối thiểu 15 USD)
L/C Transfer		Chuyển Nhượng Thư Tín Dụng	
L/C transfer without documents substitution	USD 30 each, USD 15 per amendment.	Không kèm chứng từ	30 USD /chuyển nhượng, 15USD/ tu chỉnh
L/C transfer with documents substitution	Charged as Import L/C issuance.	Kèm chứng từ	Phí giống như phát hành thư tín dụng nhập khẩu
Assignment of Proceeds	0.125% of proceeds assigned; Min USD 20	Chuyển Nhượng Tiền Thu Được	0,125% /số tiền chuyển nhượng; Tối thiểu 20 USD
L/C Confirmation	Charged quarterly, 0.25% of L/C amount per quarter; Min USD 100	Xác Nhận Thư Tín Dụng	Tính phí hàng quý, 0,25% số tiền trên thư tín dụng mỗi quý; Tối thiểu 100 USD
Commission of Outward Remittance of Charges	Charged as per Outward Remittance	- Phí Chuyển Tiền thanh toán Nước Ngoài	Tính phí theo chuyển khoản ra nước ngoài
Postage	Dispatched by DHL. Charged as per DHL pricing table	Cước phí chuyển phát nhanh	Áp dụng bởi DHL. Áp dụng theo bảng giá của DHL
B. Export Collection		B. Nhờ thu Xuất Khẩu	
Export Collection	0.05% of bill amount, Min USD 20	Nhờ thu Xuất Khẩu	0,05% số tiền trên hối phiếu, tối thiểu 20 USD
Cable Fee	USD 20 each.	Điện Phí	20 USD/lần
Postage	Dispatched by DHL. Charged as per DHL pricing table	Cước phí chuyển phát nhanh	Áp dụng bởi DHL. Áp dụng theo bảng giá của DHL
6. GUARANTEE		6. BẢO LÃNH	

Issuance of letter of guarantee/Standby L/C	2% per annum (Min VND 300,000 or equivalent)	Phát Hành thư bảo lãnh	2%/năm (Tối thiểu 300.000 VND hoặc tương đương)
Cable Fee – if any	USD 20 each.	Điện Phí-Nếu có	20 USD/mỗi điện
Amendment		Điều Chính	
Increase in amount or extension	2% per annum (Min VND 300,000 or equivalent)	Tăng Số Tiền Gia Hạn	2%/năm (Tối thiểu 300.000 VND hoặc tương đương)
Others	VND 300,000 or equivalent	Khác	300.000 VND hoặc tương đương
7. FACTORING		7. BAO THANH TOÁN	
Single-Factor Factoring fee	0.3%-0.9% per invoice	Phí Bao Thanh Toán Đơn Phương	0,3%-0,9%/ hóa đơn
Two-Factor Factoring fee	0.1%-0.3% per invoice	Phí Bao Thanh Toán song phương	0,1%-0,3%/ hóa đơn
Document processing/ other fee	as agreed case by case	Phí Xử Lý chứng từ/ Phí Khác	theo thỏa thuận từng trường hợp
8. E-BANKING		8. NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ	
Token (for Transaction Security)	VND 300,000 per unit	Thiết bị Token (Để Bảo Mật Giao Dịch)	300.000 VND một chiếc
9. OTHER		9. KHÁC	
Escrow account service fee	as agreed case by case	Phí dịch vụ ký quỹ	theo thỏa thuận từng trường hợp

* Account management fee (monthly) – corporate: Only applicable to organization customer and for those account(s) is to be opened from 01-February-2024. Starting from the month following the account opening date (no fee is charged in the month of account opening), the average monthly deposit balance of the account in the previous month will be reviewed regularly and account management fee shall be charged on the 25th day of the next month in respect of any current account if the Customer fails to maintain the required minimum balance, (if it falls on a holiday, it will be deducted from the next working day).

Phí quản lý tài khoản (hàng tháng)- tổ chức: Chỉ áp dụng đối với khách hàng tổ chức và áp dụng cho (các) tài khoản được mở kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2024. Bắt đầu từ tháng sau ngày mở tài khoản (không thu phí trong tháng mở tài khoản), số dư tiền gửi trung bình hàng tháng của tài khoản trong tháng trước của Khách hàng sẽ được xem xét định kỳ và vào ngày 25 của tháng tiếp theo, Ngân hàng sẽ tự động trích Phí quản lý tài khoản của bất kỳ tài khoản thanh toán nào của Khách hàng nếu Khách hàng không duy trì số dư tiền gửi tối thiểu được yêu cầu (nếu rơi vào ngày nghỉ thì sẽ trừ vào ngày làm việc tiếp theo).

** Account balance (monthly): Only applicable to corporate customer. Account balance (monthly) = The sum of the daily end-of-day customer's all account balance of the current month by currency (if it falls on a holiday, the end-of-day amount of the previous business day) ÷ the total number of days in the current month.

Số dư tài khoản (hàng tháng): Chỉ áp dụng đối với khách hàng tổ chức. Số dư tài khoản (hàng tháng) = Tổng số dư tài khoản cuối ngày của Khách hàng trong tháng hiện tại theo loại tiền tệ (nếu rơi vào ngày nghỉ thì sẽ là số dư cuối ngày của ngày làm việc trước đó) ÷ tổng số ngày trong tháng hiện tại.

*** Account Management fee (monthly) – individual: Only applicable to individual customer and for those account(s) is to be opened from 01-February-2024.

Phí quản lý tài khoản (hàng tháng) – Cá nhân: Chỉ áp dụng đối với khách hàng cá nhân và áp dụng cho (các) tài khoản được mở kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2024.

Notes Ghi chú:

- These commissions and charges are subject to the Bank's sole decision to change without prior notice.
Các khoản phí và chi phí này có thể được thay đổi tùy thuộc vào quyết định riêng của Ngân Hàng mà không cần thông báo trước.
- Commissions and charges stipulated herein are excluded VAT.
Các khoản phí và chi phí quy định tại đây chưa bao gồm thuế GTGT.
- Commissions and charges stipulated herein are not including commission / charges by third party, if any.
Phí và chi phí quy định tại đây không bao gồm hoa hồng/chi phí của bên thứ ba, nếu có.
- Commissions and charges paid subject to tariff will not be refunded if Customers cancel the transaction.
Phí và chi phí đã thanh toán theo biểu phí sẽ không được hoàn trả nếu Khách hàng hủy giao dịch.
- Unless otherwise instructed by the Bank:
Trừ khi có hướng dẫn khác của Ngân Hàng:
 - The commissions / charges for outgoing funds are for account of ordering party drawee/ applicant.
Phí /chi phí cho các khoản chuyển tiền đi áp dụng cho người chuyển tiền/ người nộp đề nghị thanh toán.
 - The commissions / charges for incoming funds, if any, are for beneficiary's account.
Phí /chi phí cho các khoản tiền đến, nếu có, áp dụng cho tài khoản của người thụ hưởng.
- Service fee shall follow this Standard Commissions and Charges unless otherwise agreed.
Phí dịch vụ sẽ tuân theo Biểu phí tiêu chuẩn này trừ khi có thỏa thuận khác.
- In case of any inconsistency between Vietnamese and English contents, the English version shall prevail.
Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, nội dung tiếng Anh có giá trị ưu tiên áp dụng.